

Số: 26/2026/HIO/CBTT

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 2 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:



1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO.
- Địa chỉ: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333 Fax:.....
- Email: info@helioenergy.vn Website: https://helioenergy.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 2/2026:
 - ☒ BCTC riêng (CTĐC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc).
 - ☐ BCTC hợp nhất (CTĐC có công ty con).
 - ☐ BCTC tổng hợp (CTĐC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán ...):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán ...):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/07/2026 tại đường dẫn <https://helioenergy.vn>.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng Quý 2/2026;
- Công văn số 52/2026/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả SXKD Quý 2/2026.

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ 2 NĂM 2026

(Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026)

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.691.529.001	7.924.504.091
I. Tiền	110		243.431.226	979.321.266
1. Tiền	111	4	243.431.226	979.321.266
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.156.826.375	5.217.620.854
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.319.699.695	4.539.871.369
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	806.171.552	637.086.353
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	51.377.388	52.916.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(20.422.260)	(12.253.356)
III. Hàng tồn kho	140		278.620.896	33.010.909
1. Hàng tồn kho	141		278.620.896	33.010.909
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.012.650.504	1.694.551.062
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	7	1.012.650.504	1.694.551.062
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		465.226.761.950	257.563.743.014
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.000.000	740.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	8	740.000.000	740.000.000
II. Tài sản cố định	220	11	30.445.976.831	32.377.593.588
1. Tài sản cố định hữu hình	221		30.445.976.831	32.377.593.588
- Nguyên giá	222		53.228.167.528	53.073.074.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.782.190.697)	(20.695.481.347)
III. Bất động sản đầu tư	240	12	1.509.127.669	1.588.555.441
- Nguyên giá	241		2.382.833.161	2.382.833.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(873.705.492)	(794.277.720)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		430.768.000.000	220.706.636.468
1. Đầu tư vào công ty con	261	10	384.768.000.000	174.768.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	9	46.000.000.000	46.000.000.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	(61.363.532)
V. Tài sản dài hạn khác	270		1.763.657.450	2.150.957.517
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	7	1.685.447.458	2.047.027.705
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		78.209.992	103.929.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		470.918.290.951	265.488.247.105

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.741.768.999	31.069.243.344
I. Nợ ngắn hạn	310		14.361.768.999	15.389.243.344
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	590.901.096	1.736.956.155
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	14	294.513.471	948.734.515
3. Phải trả người lao động	315		185.114.803	1.027.067.747
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	15	2.084.694.056	1.796.436.726
5. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		162.750.000	69.750.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	16	2.429.120.000	2.700.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	17	6.260.000.000	5.840.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.354.675.573	1.270.298.201
II. Nợ dài hạn	330		12.380.000.000	15.680.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	17	12.380.000.000	15.680.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		444.176.521.952	234.419.003.761
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	420.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		420.000.000.000	210.000.000.000
2. Thặng dư vốn	412		(508.500.000)	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.685.021.952	24.419.003.761
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		23.334.626.389	9.748.875.624
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		1.350.395.563	14.670.128.137
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		470.918.290.951	265.488.247.105


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng


Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 20 tháng 7 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 2 NĂM 2026**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	8.580.545.620	8.284.244.209	17.133.035.625	17.133.557.172
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		8.580.545.620	8.284.244.209	17.133.035.625	17.133.557.172
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	5.527.341.452	5.360.707.092	12.266.942.837	11.556.499.218
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.053.204.168	2.923.537.117	4.866.092.788	5.577.057.954
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	800.459.408	636.190	2.510.766.107	4.800.091
6. Chi phí tài chính	23	23	402.091.080	376.543.758	735.690.770	467.183.455
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		402.091.080	507.304.455	797.054.302	1.023.297.813
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.062.431.616	1.955.203.847	5.279.112.417	3.963.992.309
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-26)	30		389.140.880	592.425.702	1.362.055.708	1.150.682.281
9. Thu nhập khác	31		115.443	37.363.681	400.780	37.983.714
10. Chi phí khác	32		2.307.846	1.336.060	12.060.925	17.741.700
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.192.403)	36.027.621	(11.660.145)	20.242.014
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		386.948.477	628.453.323	1.350.395.563	1.170.924.295
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	92.397.897	-	207.173.219
14. Lợi nhuận/(lỗ)sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		386.948.477	536.055.426	1.350.395.563	963.751.076



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 20 tháng 7 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2026

		Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.350.395.563	1.170.924.295
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	2.166.137.122	2.162.718.414
Các khoản dự phòng	03	(53.194.628)	(556.114.358)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.500.000.000)	(4.800.091)
Chi phí lãi vay	06	797.054.302	1.023.297.813
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.760.392.359	3.796.026.073
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.052.625.575	(12.062.988.770)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	(219.890.167)	(345.454)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	1.227.100.731	272.579.031
Giảm/(tăng) chi phí chờ phân bổ	12	1.043.480.805	(597.148.699)
Chi phí đi vay đã trả	14	(800.336.565)	(1.029.737.375)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(604.723.801)	(1.083.915.670)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(650.946.384)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.807.702.553	(10.705.530.864)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(155.092.593)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(210.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	-	4.800.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(210.155.092.593)	4.800.091
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	209.491.500.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.880.000.000)	(2.640.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	206.611.500.000	(2.640.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	(735.890.040)	(13.340.730.773)
Tiền đầu năm/kỳ	60	979.321.266	14.224.667.716
Tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	70	243.431.226	883.936.943



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 20 tháng 7 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020, đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 30 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ của công ty là 420.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Từ ngày 18/04/2026 Công ty thực hiện thay đổi mô hình tổ chức quản lý từ mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 sang mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ủy ban kiểm toán

Các thành viên Ủy ban kiểm toán đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có 26 công ty con trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp của Công ty như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
3	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	100%	Hà Nội	Sản xuất điện
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
9	Công ty TNHH KCP Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
19	Công ty TNHH Solar Việt	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	100%	Đắk Lắk	Sản xuất điện
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	100%	Lâm Đồng	Sản xuất điện
26	Công ty cổ phần SD Trường Thành	59,32%	59,32%	Lâm Đồng	Sản xuất điện

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Theo đó, Công ty thực hiện chuyển đổi sổ dư đầu kỳ và áp dụng phương pháp điều chỉnh hồi tố đơn giản đối với số liệu so sánh năm trước.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ Kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo kỳ kế toán từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Các chi phí mua ngoài, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí khác cho các hợp đồng đang thực hiện.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm

giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 – 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Giá bán điện được quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	44.380.000	42.426.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	199.051.226	936.895.266
	243.431.226	979.321.266

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu từ khách hàng	1.686.739.695	2.868.031.369
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	208.797.055	197.481.228
Công ty Điện lực Lâm Đồng	225.735.990	270.275.567
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương	229.068.205	209.409.378
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Vũng Tàu	191.733.925	145.323.608
Phải thu từ các bên khác	831.404.520	2.045.541.588
Phải thu từ các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 26)	1.632.960.000	1.671.840.000
	3.319.699.695	4.539.871.369

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Gia Construction	302.400.000	467.328.960
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	56.630.000	113.260.000
Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật ĐG	158.613.552	-
Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội	240.000.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	48.528.000	56.497.393
	806.171.552	637.086.353

7. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái, thuê văn phòng trả trước	567.937.946	758.639.459
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	444.712.558	935.911.603
	1.012.650.504	1.694.551.062
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	350.775.994	516.657.160
Chi phí sửa chữa thi công văn phòng	1.115.368.779	1.338.442.533
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	219.302.685	191.928.012
	1.685.447.458	2.047.027.705

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Các khoản đặt cọc	740.000.000	740.000.000
	740.000.000	740.000.000

9. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	46.000.000.000	46.000.000.000
	46.000.000.000	46.000.000.000

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Tại 30/06/2026		Tại 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	-	10.095.000.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	-	10.100.000.000	(61.363.532)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	210.000.000.000	-	-	-
	384.768.000.000	-	174.768.000.000	(61.363.532)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại thời điểm lập báo cáo do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a -DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Tấm pin mặt trời VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Tăng trong kỳ	-	-	155.092.593	-	-	155.092.593
Số dư cuối kỳ	229.077.040	18.598.727.600	257.294.411	5.666.822.582	28.476.245.895	53.228.167.528
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	76.541.604	8.220.192.626	84.160.805	2.801.588.517	9.512.997.795	20.695.481.347
Khấu hao trong kỳ	7.635.900	822.320.682	20.452.342	287.092.236	949.208.190	2.086.709.350
Số dư cuối kỳ	84.177.504	9.042.513.308	104.613.147	3.088.680.753	10.462.205.985	22.782.190.697
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	152.535.436	10.378.534.974	18.041.013	2.865.234.065	18.963.248.100	32.377.593.588
Tại ngày cuối kỳ	144.899.536	9.556.214.292	152.681.264	2.578.141.829	18.014.039.910	30.445.976.831

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	2.382.833.161
Số dư cuối kỳ	2.382.833.161
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	794.277.720
Khấu hao trong kỳ	79.427.772
Số dư cuối kỳ	873.705.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	1.588.555.441
Tại ngày cuối kỳ	1.509.127.669

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2026		Tại 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần S-Home Việt Nam	-	-	945.517.936	945.517.936
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	161.066.000	161.066.000	494.515.200	494.515.200
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng điện Huy Hoàng	294.000.000	294.000.000	28.000.000	28.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	135.835.096	135.835.096	268.923.019	268.923.019
	590.901.096	590.901.096	1.736.956.155	1.736.956.155

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	260.998.161	777.477.887	766.689.859	271.786.189
Thuế thu nhập doanh nghiệp	604.723.801	-	604.723.801	-
Thuế thu nhập cá nhân	83.012.553	479.693.809	539.979.080	22.727.282
	948.734.515	1.257.171.696	1.911.392.740	294.513.471

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.500.907.141	1.499.367.548
Chi phí lãi vay	13.786.915	17.069.178
Các khoản trích trước khác	570.000.000	280.000.000
	2.084.694.056	1.796.436.726

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (Chi tiết Thuyết minh số 26)	1.029.440.000	2.700.000.000
Tạm ứng lợi nhuận	200.000.000	2.700.000.000
Nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng	829.440.000	-
Phải trả các đơn vị khác	1.399.680.000	-
	2.429.120.000	2.700.000.000

17. VAY		Tại 01/01/2026		Trong kỳ		Phân loại theo lịch trả nợ		Tại 30/06/2026	
		VND		VND		VND		VND	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn									
Vay dài hạn đến hạn trả		5.840.000.000	5.840.000.000	-	2.880.000.000	3.300.000.000	-	6.260.000.000	6.260.000.000
		<u>5.840.000.000</u>	<u>5.840.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.880.000.000</u>	<u>3.300.000.000</u>	<u>-</u>	<u>6.260.000.000</u>	<u>6.260.000.000</u>
Vay dài hạn									
Vay ngân hàng và công ty tài chính		15.680.000.000	15.680.000.000	-	-	-	3.300.000.000	12.380.000.000	12.380.000.000
		<u>15.680.000.000</u>	<u>15.680.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.300.000.000</u>	<u>12.380.000.000</u>	<u>12.380.000.000</u>
Tổng cộng		<u>21.520.000.000</u>	<u>21.520.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.880.000.000</u>	<u>3.300.000.000</u>	<u>3.300.000.000</u>	<u>18.640.000.000</u>	<u>18.640.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	Tại 30/06/2026	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	15.570.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029	7,1% -8,1%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power - công ty mẹ của Công ty;
				- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	3.070.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027	9,4%-10,1%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty
TỔNG CỘNG	<u>18.640.000.000</u>			

Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	6.260.000.000
Vay dài hạn	12.380.000.000

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND		VND	VND
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	-	24.419.003.761	234.419.003.761
Tăng/(giảm) vốn trong năm	210.000.000.000	(508.500.000)	-	209.491.500.000
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	1.350.395.563	1.350.395.563
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	-	-	(1.084.377.372)	(1.084.377.372)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	420.000.000.000	(508.500.000)	24.685.021.952	444.176.521.952

(i) Việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2026.

Cổ phiếu	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	42.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	42.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	42.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Tại 30/06/2026		Tại 01/01/2026	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	291.120.000.000	69,31%	145.560.000.000	69,31%
Các cổ đông khác	128.880.000.000	30,69%	64.440.000.000	30,69%
	420.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026</u>	<u>Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện	2.656.518.420	2.403.228.609
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	5.877.527.200	5.834.515.600
Doanh thu cho thuê	46.500.000	46.500.000
	<u>8.580.545.620</u>	<u>8.284.244.209</u>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<u>3.122.203.600</u>	<u>2.772.000.000</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026</u>	<u>Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025</u>
	VND	VND
Giá vốn bán điện	1.712.447.696	1.577.389.666
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	3.769.875.651	3.738.299.321
Giá vốn cho thuê	45.018.105	45.018.105
	<u>5.527.341.452</u>	<u>5.360.707.092</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026</u>	<u>Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.838.541.835	2.697.072.616
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.084.777.915	1.081.359.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.658.284.414	3.535.280.480
Dự phòng phải thu khó đòi	8.168.904	
Chi phí khác bằng tiền	-	2.198.636
	<u>8.589.773.068</u>	<u>7.315.910.939</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026</u>	<u>Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025</u>
	VND	VND
Lợi nhuận được chia	800.000.000	-
Lãi tiền gửi	459.408	636.190
	<u>800.459.408</u>	<u>636.190</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026</u>	<u>Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	402.091.080	507.304.455
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(130.760.697)
	<u>402.091.080</u>	<u>376.543.758</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	759.203.947	619.184.066
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.516.817	8.516.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.286.541.948	1.325.304.328
Dự phòng phải thu khó đòi	8.168.904	-
Chi phí khác bằng tiền	-	2.198.636
	3.062.431.616	1.955.203.847

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	207.173.219
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	207.173.219

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	1.350.395.563	1.170.924.295
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.500.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	54.060.925	47.741.700
Chuyển lỗ		
Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	-	-
Thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	(1.095.543.512)	1.218.665.995
Thuế suất	20%	17%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	-	207.173.219

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2026)
	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2022)
	Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024)
	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm thành viên Ủy Ban Kiểm toán (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2026)
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan

Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới
 Công ty TNHH Sol Power Việt Nam
 Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú
 Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy
 Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam
 Công ty TNHH Carnation Việt Nam
 Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam
 Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng
 Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình
 Công ty TNHH Duy Đình Solar
 Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam
 Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam
 Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam
 Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam
 Công ty TNHH VVT Việt Nam
 Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam
 Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn
 Công ty TNHH NVP Việt Nam
 Công ty TNHH Khởi Duy Solar
 Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy
 Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam
 Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam
 Công ty TNHH NHY Việt Nam
 Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam
 Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu
 Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar
 Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam
 Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam
 Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam
 Công ty TNHH NDT Việt Nam
 Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam
 Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam
 Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam
 Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam
 Công ty cổ phần công nghệ EC

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con của Công ty từ ngày 16 tháng 3 năm 2026
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty liên kết gián tiếp
 Công ty liên kết gián tiếp
 Công ty liên kết gián tiếp
 Công ty liên kết gián tiếp
 Công ty liên kết gián tiếp
 Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
 Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
 Bên liên quan khác

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	146.203.600	144.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	108.000.000	108.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	Không còn là bên liên quan	36.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	36.000.000	36.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
Công ty TNHH NDT Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	24.000.000	Chưa là bên liên quan
	3.122.203.600	2.772.000.000
	Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	400.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	400.000.000	-
	800.000.000	-

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán:

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Apollo Power 4	51.840.000	51.840.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	77.760.000	77.760.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH Omega Power 3	38.880.000	38.880.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Solar Việt	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	25.920.000	77.760.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH KCP Energy	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	25.920.000	51.840.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	25.920.000	25.920.000

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)		
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	12.960.000	25.920.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	77.760.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	25.920.000	Chưa là bên liên quan
	1.632.960.000	1.671.840.000

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Apollo Power 4	-	400.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	-	300.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	-	500.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	-	500.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo)		
Công ty TNHH Đầu tư Phát Triển DTH Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	51.840.000	Chưa là bên liên quan
	1.029.440.000	2.700.000.000

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	144.000.000	120.000.000
Ông Phan Thành Đạt	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	18.000.000	30.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	12.000.000	-
Bà Phạm Thị Thu Trang	12.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	12.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.632.618.480	1.184.086.020
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	658.522.620	458.117.933
Ông Bùi Tuấn Dương	614.198.000	430.169.100
Bà Lê Thị Trang	359.897.860	295.798.987
Ban Kiểm soát	39.600.000	66.000.000
Ông Trần Minh Đức	18.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	10.800.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	10.800.000	18.000.000

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng


Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 20 tháng 7 năm 2026